

CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI CHO THỰC HIỆN REDD+ CẤP TỈNH

RESI - Provincial REDD+ Environmental and Social Index



NGUYỄN VIỆT DŨNG & NGUYỄN HẢI VÂN
People and Nature Reconciliation (PanNature)



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

- Giới thiệu về chỉ số RESI
- Khung nội dung và phương pháp thực hiện RESI

Giới thiệu bộ chỉ số môi trường – xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

RESI là gì?



RESI là công cụ **đo lường về hiện trạng/điều kiện môi trường-xã hội** giúp phản ánh những **lợi thế và rủi ro tiềm ẩn** cho các quyết định phát triển và thực hiện REDD+ tại địa phương

"...Đo lường hiện trạng/điều kiện môi trường – xã hội phục vụ REDD+"

Giới thiệu bộ chỉ số môi trường – xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Tại sao cần có RESI?

RESI tạo ra **cơ sở dữ liệu và thông tin đáng tin cậy**

- Tham khảo cho quyết định, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá mức độ thành công và tác động của thực thi REDD+;
- Cho phép so sánh ưu thế giữa các tỉnh trong lựa chọn địa bàn đầu tư thực hiện REDD+;

"...REDD+ có thể sẽ có những tác động không lường trước đối với môi trường và sinh kế của người dân địa phương đang sống dựa vào rừng..."



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường – xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN RESI

Cơ sở và định hướng xây dựng RESI

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số

Phát triển bộ công cụ và các bước thực hiện

Phân tích định lượng và diễn giải kết quả

Đề xuất khuyến nghị cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh



Cơ sở và định hướng xây dựng RESI

1. Kinh nghiệm quốc tế về các bộ chỉ số môi trường - xã hội trong REDD+

- Các nguyên tắc đảm bảo an toàn Cancun (UNFCCC, 2010)
- Bộ tiêu chuẩn môi trường-xã hội REDD+ (SESS, ver.2, tháng 9/2012) và Hướng dẫn sử dụng ở cấp quốc gia (ver.2, tháng 11/2012)
- Bộ nguyên tắc và tiêu chí môi trường và xã hội của Chương trình UNREDD (tháng 3/2012)
- Bộ chính sách đảm bảo an toàn của Ngân hàng thế giới

2. Kinh nghiệm xây dựng các bộ chỉ số cấp tỉnh ở Việt Nam:

- Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)
- Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI/VCCI)
- Chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (trường hợp Quảng Trị)
- Chỉ số đánh giá quản trị có sự tham gia cho REDD+ (PGA, thí điểm Lâm Đồng)

3. Chương trình hành động quốc gia về REDD+ của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (quyết định 799/ 2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 06 năm 2012)



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các chỉ số và chỉ tiêu

RESI bao gồm 04 chỉ số lĩnh vực chính:

- ✓ Nền tảng chính sách - pháp luật hỗ trợ thực hiện REDD+ tại địa phương
- ✓ Hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý bảo vệ rừng hỗ trợ thực hiện REDD+ tại địa phương
- ✓ Các điều kiện môi trường địa phương (có thể) ảnh hưởng đến quá trình thực hiện REDD+
- ✓ Các điều kiện xã hội địa phương (có thể) ảnh hưởng đến quá trình thực hiện REDD+



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

KHUNG CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT 04 chỉ số thành phần và 16 chỉ tiêu	
1.a. Chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	1a.01. Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
	1a.02. Nội dung Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 của tỉnh đã được phê duyệt
	1a.03. Kế hoạch chương trình tổng thể GD-GR toàn tỉnh
	1a.04. Đề án /kế hoạch thu hồi đất rừng các lâm trường quốc doanh và giao lại cho đối tượng khác
	1a.05. Kế hoạch/phương án đóng cửa rừng tự nhiên
1b. Lồng ghép ưu tiên QLBR và BDKH trong phát triển KT-XH	1b.01. Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2020
	1b.02. Kế hoạch hành động BVMT của tỉnh
	1b.03. Kế hoạch hành động ứng phó BDKH của tỉnh
	1b.04. Lồng ghép các mục tiêu QLBR vào chương trình, kế hoạch khác
	1b.05. Đánh giá rủi ro chuyển đổi đất rừng cho các dự án phát triển địa phương



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

KHUNG CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT 04 chỉ số thành phần, 17 chỉ tiêu và 73 câu hỏi/câu hỏi phụ	
1.c. Ưu thế chính sách tài chính đầu tư cho hoạt động QLBRV và phát triển lâm nghiệp	1.c.01. Tính đa dạng của nguồn lực tài chính hàng năm cho hoạt động LN tỉnh
	1.c.02. Quy bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh và vai trò nguồn thu DVMTR đối với ngân sách chi BVPTTR hàng năm
	1.c.03. Chính sách thu hút đầu tư cho hoạt động lâm nghiệp
1.d. Vai trò của rừng và ĐDSH trong thực hiện ĐTM tại địa phương	1.d.01. Mức độ tham gia của các cơ quan lâm nghiệp tham gia hội đồng thẩm định ĐTM
	1.d.02. Các loại hình dự án ngành LN được tham gia Hội đồng thẩm định
	1.d.03. Mức độ được tham vấn của ngành lâm nghiệp trong quá trình thực hiện ĐTM



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

TỔ CHỨC VÀ THỂ CHẾ QLBRV TẠI ĐỊA PHƯƠNG 08 chỉ số thành phần, 26 chỉ tiêu và 102 câu hỏi/ câu hỏi phụ	
Za. Năng lực và kinh nghiệm quản trị lâm nghiệp địa phương (chỉ đạo)	2a.01. Thành lập BCD thực hiện kết hoạch BVPTTR 2011-2020
	2a.02. Thành phần tham gia BCD
	2a.03. Hoạt động điều phối của văn phòng thường trực BCD
Zb. Hệ thống quyền và tiếp cận sở hữu đối với rừng/đất rừng tại địa phương	2a.04. Hiệu quả hoạt động của BCD
	2b.01. Các loại chủ rừng quản lý trực tiếp hiện tại ở địa phương
	2b.02. Tình trạng thực hiện giao đất - giao rừng hiện tại
	2b.03. Các hình thức tổ chức phối hợp quản lý rừng ở địa phương
	2b.04. Các mô hình QLBRV do cộng đồng thực hiện
	2b.05. Thực hiện các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và hướng tới chứng chỉ FSC/PEFC
	2b.06. Mức độ đáp ứng các quyền tiếp cận và sở hữu đối với rừng/đất rừng cho hộ gia đình và cộng đồng
	2b.07. Quyền của cộng đồng đối với đất/rừng
2b.08. Quyền của hộ gia đình đối với rừng/đất rừng	



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

TỔ CHỨC VÀ THỂ CHẾ QLBRV TẠI ĐỊA PHƯƠNG 08 chỉ số thành phần, 26 chỉ tiêu và 102 câu hỏi/câu hỏi phụ	
2c. Xác lập quá trình và ưu tiên cho thực hiện REDD+ địa phương	2c.01. Ban hành Kế hoạch hành động REDD+ Cấp tỉnh
	2c.02. Kinh nghiệm thực hiện REDD+ tại địa phương
2d. Hợp tác và điều phối quản lý bảo vệ rừng	2d.01. Mức độ phối hợp trong thực hiện các hoạt động lâm nghiệp/QLBRV cấp tỉnh
	2d.02. Thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lâm nghiệp cấp tỉnh
	2d.03. Mức độ phối hợp trong thực hiện các hoạt động lâm nghiệp/QLBRV cấp huyện
	2d.04. Thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lâm nghiệp cấp huyện



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

TỔ CHỨC VÀ THỂ CHẾ QLBRV TẠI ĐỊA PHƯƠNG 08 chỉ số thành phần, 26 chỉ tiêu và 102 câu hỏi	
2e. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin lâm nghiệp	2e.01. Mức độ đầy đủ và cập nhật thông tin về chủ trương, chính sách và quy định về hoạt động lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh
	2e.02. Đánh giá khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến lâm nghiệp trên đài phát thanh truyền hình địa phương
	2e.03. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho chính quyền, cộng đồng địa phương về QLBRV của HKL và chủ rừng tổ chức
	2e.04. Kênh phản hồi thông tin lâm nghiệp
	2e.05. Mức độ nhận thức và tiếp cận thông tin lâm nghiệp của hộ gia đình tại các thôn/bản (cấp xã)
2f. Thực thi pháp luật quản lý bảo vệ, phát triển rừng địa phương	2f.01. Hiệu quả quản lý bảo vệ rừng của từng nhóm chủ rừng tại địa phương
	2f.02. Nguồn nhân lực nhà nước đầu tư quản lý bảo vệ rừng
	2f.03. Kết quả thực thi lâm luật QLBRV trong 5 năm gần đây



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

TỔ CHỨC VÀ THỂ CHẾ QL BVR TẠI ĐỊA PHƯƠNG 08 chỉ số thành phần, 26 chỉ tiêu và 102 câu hỏi	
2g. Hệ thống giám sát và thu thập thông tin lâm nghiệp địa phương	2g.01. Hệ thống quan trắc/giám sát thay đổi hiện trạng rừng của địa phương
	2g.02. Báo cáo thông tin và kết quả quan trắc có công bố công khai hay không
	2g.03. Sử dụng công nghệ, kỹ thuật vệ tinh hỗ trợ hoạt động quan trắc
	2g.04. Thách thức, khó khăn của quá trình vận hành, xây dựng hệ thống quan trắc
2h. Giá trị kinh tế của hoạt động lâm nghiệp địa phương	2h.01. Giá trị sản xuất và tỷ trọng đóng góp của ngành lâm nghiệp hàng năm cho nền kinh tế của tỉnh trong 5 năm gần đây
	2h.02. Giá trị thu nhập trung bình hàng năm từ hoạt động lâm nghiệp địa phương
	2h.03. Giá trị thu nhập trung bình hàng năm tính theo đơn vị diện tích tại địa phương khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất tự nhiên
	2h.04. Xu hướng thay đổi giá trị khai thác lâm sản của ngành lâm nghiệp



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+ 04 chỉ số thành phần, 7 chỉ tiêu và 19 câu hỏi	
3a. Diện tích, phân loại và chất lượng tài nguyên rừng địa phương	3a.01. Diện tích rừng của tỉnh
	3a.02. Cơ cấu rừng tự nhiên phân theo chất lượng rừng
3b. Phạm vi và xu hướng mất rừng tại địa phương	3b.01. Xu hướng mất rừng trong 5 năm
	3b.02. Xu hướng tăng trưởng rừng trong 5 năm
	3b.03. Rủi ro mất rừng do chuyển đổi mục đích sử dụng phân theo các loại dự án
3c. Hỗ trợ và thúc đẩy công tác trồng rừng tại địa phương	3c.01. Tổng mức đầu tư và kết quả đạt được đối với diện tích trồng mới và phục hồi rừng hàng năm
3d. Mức độ dễ bị tổn thương của rừng trước tác động của hoạt động của con người và ĐCKH	3d.01. Mức độ dễ bị tổn thương của rừng do các điều kiện cực đoan (cháy rừng, hạn hán, sâu bệnh, ...)



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

HIỆN TRẠNG XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+ 05 chỉ số thành phần, 15 chỉ tiêu và 51 câu hỏi	
4a. Dân số, dân tộc thiểu số và tình trạng đói nghèo tại địa phương.	4a.01. Tỷ lệ dân tộc thiểu số cấp tỉnh
	4a.02. Tỷ lệ đói nghèo cấp tỉnh
4b. Sinh kế và lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp	4b.01. Số lao động do hoạt động lâm nghiệp tạo ra hàng năm trên địa bàn tỉnh
	4b.02. QH khu vực và diện tích đất canh tác nương rẫy cho các hộ gia đình và cộng đồng
	4b.03. Mức thu nhập trung bình (mức độ phụ thuộc vào rừng của người dân địa phương)
4c. Quyền sử dụng đất, tranh chấp và giải quyết tranh chấp tài nguyên đất/rừng	4c.01. Mức độ phổ biến của các loại tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện
	4c.02. Khả năng giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Khung nội dung, các tiêu chí và chỉ số (tt.)

HIỆN TRẠNG XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+ 05 chỉ số thành phần, 15 chỉ tiêu và 51 câu hỏi	
4d. Sự tham gia của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương trong QL BVR	4d.01. Mức độ tham gia của người dân và cộng đồng địa phương trong QL BVR
	4d.02. Mức độ tham gia của chính quyền địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng
4e. Vai trò của giới và mức độ liên quan đến hoạt động lâm nghiệp	4e.01. Chính sách/ quy định cho phép phụ nữ tham gia trong các chính sách, chương trình, dự án lâm nghiệp thực hiện tại địa phương
	4e.02. Vai trò của Hội phụ nữ tỉnh trong hoạt động lâm nghiệp tại địa phương
	4e.03. Mức độ tham gia của phụ nữ trực tiếp tham gia hoạt động lâm nghiệp và QL BVR trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh
	4e.04. Thực hiện quyền sở hữu, tiếp cận rừng và tài nguyên rừng của phụ nữ cấp cộng đồng
	4e.05. Mức độ tác động dự án và hoạt động lâm nghiệp đến sự phát triển phụ nữ nông thôn, miền núi
	4e.06. Cơ hội tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động lâm nghiệp



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Cho điểm và đánh giá kết quả

- Tất cả các câu hỏi liên quan đến các chỉ số, chỉ tiêu đều được tính vào kết quả của RESI
- Trọng số của tất cả các tiêu chí, chỉ số như nhau trong chỉ số RESI và bằng 1
- Mỗi câu hỏi sẽ có 5 lựa chọn trả lời (a-e), và cho điểm theo thang điểm 100, phản ánh mức độ sẵn sàng của chính sách, thông tin cũng như các điều kiện môi trường - xã hội phù hợp cho thực hiện REDD+ với 4 mức chính: 100, 67, 33 và 0 tùy thuộc vào câu trả lời. Tất cả các câu hỏi đều có lựa chọn trả lời "không thích hợp/ not applicable"
- Trường hợp "không thích hợp" chỉ được dùng rất hạn chế. Những câu hỏi có trả lời "không thích hợp" sẽ không được tính đến trong phần cho điểm.
- Điểm số cuối cùng là điểm trung bình của tất cả các câu hỏi



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

Cho điểm và đánh giá kết quả (tt)

Sẵn sàng cao (điểm trung bình: 100 - 67): những tỉnh trong nhóm này có tương đối đầy đủ các điều kiện về chính sách, thể chế, tổ chức thực hiện cũng như các điều kiện môi trường, xã hội thích hợp để thực hiện REDD+.

Xếp hạng các tỉnh

Sẵn sàng (điểm trung bình: 66 - 34): những tỉnh thuộc nhóm này đã có những điều kiện nhất định, nhưng vẫn còn những hạn chế trong điều kiện của một hoặc nhiều hợp phần chính: chính sách, thể chế, môi trường và xã hội để có thể thực hiện REDD+.

Chưa sẵn sàng (điểm trung bình: 33 - 0): Những tỉnh thuộc nhóm này đang ở mức thấp nhất, chưa có/hoặc không có những điều kiện cơ bản cần thiết để có thể thực hiện triển khai REDD+.



Giới thiệu bộ chỉ số môi trường - xã hội cho thực hiện REDD+ cấp tỉnh (RESI)

